

Số: **328**/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **10** tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Quy định số lượng nhân viên y tế thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản;

Căn cứ Thông tư số 07/2013/TT-BYT ngày 08/3/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ và tiêu chuẩn của nhân viên y tế thôn, bản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 627/TTr-SYT ngày 29/4/2021 về việc quy định số lượng nhân viên y tế thôn trên địa bàn tỉnh và Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 689/SNV-CCVC ngày 05/4/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định số lượng nhân viên y tế thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi là 859 người (*chi tiết tại Phụ lục 1, 2 kèm theo*).

Điều 2. Sở Y tế có trách nhiệm chỉ đạo Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố thực hiện việc tuyển chọn, quản lý và sử dụng nhân viên y tế thôn theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Nội vụ, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các sở, ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(VX), CBTH;
- Lưu: VT, KGVX_{lmc261}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Văn Minh

Phụ lục 1
SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN Y TẾ THÔN
CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
(Kèm theo Quyết định số ~~328~~ 328/QĐ-UBND ngày 10 /5/2021
của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Các huyện, thị xã, thành phố	Tổng số thôn	Số lượng nhân viên y tế thôn	Ghi chú
1	Thị xã Đức Phổ	40	40	
2	Huyện Bình Sơn	112	112	
3	Huyện Mộ Đức	65	65	
4	Huyện Sơn Tịnh	58	58	
5	Thành phố Quảng Ngãi	68	68	
6	Huyện Tư Nghĩa	72	72	
7	Huyện Nghĩa Hành	68	68	
8	Huyện Ba Tơ	85	85	
9	Huyện Minh Long	31	41	
10	Huyện Sơn Tây	35	42	
11	Huyện Sơn Hà	80	81	
12	Huyện Trà Bồng	73	121	
13	Huyện Lý Sơn	6	6	
	TỔNG CỘNG	793	859	



Phụ lục 2

CHI TIẾT SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN Y TẾ THÔN

(Kèm theo Quyết định số ~~328~~ /QĐ-UBND ngày ~~10~~ /5/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Theo các huyện, thị xã, thành phố	Tên xã, phường, thị trấn	Tên thôn	Số lượng nhân viên y tế thôn	Ghi chú
		TỔNG CỘNG		859	
	I	Thị xã Đức Phổ		40	
1	1	Xã Phổ Châu	Tân Lộc	1	
2	2		Vĩnh Tuy	1	
3	3		Châu Me	1	
4	4		Hưng Long	1	
5	5	Xã Phổ Thuận	Kim Giao	1	
6	6		Mỹ Thuận	1	
7	7		Thanh Bình	1	
8	8		Thiếp Sơn	1	
9	9		An Định	1	
10	10		Vùng 4	1	
11	11		Vùng 5	1	
12	12	Xã Phổ Phong	Hiệp An	1	
13	13		Hùng Nghĩa	1	
14	14		Vĩnh Xuân	1	
15	15		Tân Phong	1	
16	16		Gia An	1	
17	17		Vạn Trung	1	
18	18	Xã Phổ Khánh	Diên Trường	1	
19	19		Trung Sơn	1	
20	20		Vĩnh An	1	
21	21		Quy Thiện	1	
22	22		Trung Hải	1	
23	23		Phước Điền	1	
24	24		Phú Long	1	
25	25	Xã Phổ An	Hội An 1	1	
26	26		Hội An 2	1	
27	27		An Thạch	1	
28	28		An Thổ	1	
29	29	Xã Phổ Cường	Bản Thạch	1	
30	30		Lâm Bình	1	
31	31		Xuân Thành	1	
32	32		Thủy Thạch	1	
33	33		Mỹ Trang	1	

34	34		Thanh Sơn	1	
35	35		Nga Mân	1	
36	36	Xã Phở Nhon	An Tây Điền	1	
37	37		Phước Lợi	1	
38	38		Tân Sơn	1	
39	39		Nhon Bích	1	
40	40		Phước Nhon	1	
	II	Huyện Bình Sơn		112	
41	1	Xã Bình Tân Phú	Thôn Phú Nhiêu 1	1	
42	2		Thôn Phú Nhiêu 2	1	
43	3		Thôn An Thạnh	1	
44	4		Thôn Diên Lộc	1	
45	5		Thôn Liêm Quang	1	
46	6		Thôn Nhon Hòa 2	1	
47	7		Thôn Nhon Hòa 1	1	
48	8	Xã Bình Nguyên	Thôn Trì Bình	1	
49	9		Thôn Châu Từ	1	
50	10		Thôn Nam Bình 1	1	
51	11		Thôn Nam Bình 2	1	
52	12		Thôn Phước Bình	1	
53	13	Xã Bình Mỹ	Thôn An Phong	1	
54	14		Thôn Phước Tích	1	
55	15		Thôn Thạch An	1	
56	16	Xã Bình Hòa	Thôn 1	1	
57	17		Thôn 2	1	
58	18		Thôn 3	1	
59	19		Thôn 4	1	
60	20		Thôn 5	1	
61	21	Xã Bình Hải	Thôn Vạn Tường	1	
62	22		An Cường	1	
63	23		Thôn Thanh Thủy	1	
64	24		Phước Thiện	1	
65	25		Thôn Phước Thiện 1	1	
66	26		Thôn Phước Thiện 2	1	
67	27	Xã Bình Phước	Thôn Phước Thọ I	1	
68	28		Thôn Phước Thọ II	1	
69	29		Thôn Phú Long I	1	
70	30		Thôn Phú Long II	1	
71	31		Thôn Phú Long III	1	
72	32	Xã Bình Thanh	Thôn Tham Hội 1	1	
73	33		Thôn Tham Hội 2	1	
74	34		Thôn Tham Hội 3	1	
75	35		Thôn Phước Hòa	1	
76	36		Thôn An Quang	1	
77	37		Thôn Thạnh Thiện	1	

78	38	Xã Bình Thuận	Thôn Tuyết Diêm 1	1	
79	39		Thôn Tuyết Diêm 2	1	
80	40		Thôn Tuyết Diêm 3	1	
81	41		Thôn Thuận Phước	1	
82	42		Thôn Đông Lỗ	1	
83	43	Xã Bình Thạnh	Thôn Phước Thành	1	
84	44		Trung An	1	
85	45		Thôn Vĩnh An	1	
86	46		Vĩnh Trà	1	
87	47		Thôn Hải Ninh	1	
88	48	Xã Bình Trị	Thôn An Lộc Bắc	1	
89	49		Thôn An Lộc Nam	1	
90	50		Thôn An Lộc	1	
91	51		Thôn Phước Hòa	1	
92	52		Thôn Lệ Thủy	1	
93	53	Xã Bình Chánh	Thôn Đông Bình	1	
94	54		Thôn Bình An Nội	1	
95	55		Thôn Quang Trung	1	
96	56		Thôn Bàu Chuốc	1	
97	57		Thôn Mỹ Tân	1	
98	58	Xã Bình Khương	Thôn Bình Yên	1	
99	59		Thanh Trà	1	
100	60		Thôn Phước An	1	
101	61		Trà Lãm	1	
102	62		Thôn Tây Phước	1	
103	63	Xã Bình Châu	Châu Bình	1	
104	64		Thôn Phú Quý	1	
105	65		Thôn Châu Thuận Biển	1	
106	66		Châu Thuận Tây	1	
107	67		Thôn Châu Thuận Nông	1	
108	68		Châu Me	1	
109	69		Thôn An Hải	1	
110	70		Định Tân	1	
111	71		Tân Đức	1	
112	72	Xã Bình Đông	Thôn Tân Hy 1	1	
113	73		Thôn Tân Hy 2	1	
114	74		Thôn Sơn Trà	1	
115	75		Thôn Thượng Hòa	1	
116	76	Xã Bình Trung	Thôn Đông Thuận	1	
117	77		Thôn Tây Thuận	1	
118	78		Thôn Phú lễ 1	1	
119	79		Thôn phú lễ 2	1	
120	80		Thôn Phú Lộc	1	

121	81		Thôn Tiên Đào	1	
122	82	Xã Bình Minh	Thôn Lộc Thanh	1	
123	83		Thôn Mỹ Long An	1	
124	84		Thôn Mỹ Long Tây	1	
125	85		Thôn Tân Phước	1	
126	86		Thôn Tân Phước Đông	1	
127	87	Xã Bình Chương	Thôn Nam Thuận	1	
128	88		Thôn An Điền 1	1	
129	89		Thôn An Điền 2	1	
130	90		Thôn Ngọc Trì	1	
131	91	Xã Bình Dương	Thôn Mỹ huệ I	1	
132	92		Thôn Mỹ huệ II	1	
133	93		Thôn Mỹ huệ III	1	
134	94		Thôn Đông yên I	1	
135	95		Thôn Đông yên II	1	
136	96	Xã Bình Long	Thôn Long Xuân	1	
137	97		Thôn Long Vĩnh	1	
138	98		Thôn Long Mỹ	1	
139	99		Thôn Long Yên	1	
140	100		Thôn Long Hội	1	
141	101		Thôn Long Bình	1	
142	102	Xã Bình An	Thôn Tây Phước 1	1	
143	103		Tây Phước 2	1	
144	104		Thôn Phúc Lâm	1	
145	105		Thọ An	1	
146	106		Thôn An Khương	1	
147	107	Xã Bình Hiệp	Thôn Xuân Yên Tây	1	
148	108		Thôn Xuân Yên	1	
149	109		Thôn Xuân Yên Đông	1	
150	110		Thôn Liên Trì Tây	1	
151	111		Thôn Liên Trì	1	
152	112		Thôn Liên Trì Đông	1	
	III	Huyện Mộ Đức		65	
153	1	Xã Đức Thạnh	Phước Thịnh	1	
154	2		Lương Nông Bắc	1	
155	3		Lương Nông Nam	1	
156	4		Đôn Lương	1	
157	5	Xã Đức Tân	Thôn 1	1	
158	6		Thôn 2	1	
159	7		Thôn 3	1	
160	8		Thôn 4	1	
161	9		Thôn 7	1	
162	10	Xã Đức Phú	Phước Hòa	1	

163	11		Phước Lộc	1	
164	12		Phước Thuận	1	
165	13		Phước Đức	1	
166	14		Phước Vĩnh	1	
167	15	Xã Đức Chánh	Thôn 1	1	
168	16		Thôn 2	1	
169	17		Thôn 3	1	
170	18		Thôn 4	1	
171	19		Thôn 5	1	
172	20		Thôn 6	1	
173	21	Xã Đức Minh	Thôn Minh Tân Nam	1	
174	22		Thôn Minh Tân Bắc	1	
175	23		Thôn Đạm Thủy Nam	1	
176	24		Thôn Đạm Thủy Bắc	1	
177	25	Xã Đức Lân	Tú Sơn 2	1	
178	26		Thạch Trụ Đông	1	
179	27		Thạch Trụ Tây	1	
180	28		Tú Sơn 1	1	
181	29	Xã Đức Thắng	Thôn Mỹ Khánh	1	
182	30		Thôn Thanh Long	1	
183	31		Thôn An Tĩnh	1	
184	32		Thôn Gia Hòa	1	
185	33		Thôn Tân Định	1	
186	34		Thôn Dương Quang	1	
187	35	Xã Đức Nhuận	Thôn 1	1	
188	36		Thôn 2	1	
189	37		Thôn 3	1	
190	38		Thôn 4	1	
191	39		Thôn 5	1	
192	40		Thôn 6	1	
193	41		Thôn 7	1	
194	42		Thôn 8	1	
195	43	Xã Đức Hiệp	Nghĩa Lập	1	
196	44		An Long	1	
197	45		Chú Trọng	1	
198	46		Phước Sơn	1	
199	47		Phú An	1	
200	48	Xã Đức Lợi	Kỳ Tân	1	
201	49		Vinh Phú	1	
202	50		An Chuẩn	1	
203	51		An Mô	1	
204	52	Xã Đức Hòa	Thôn Phước Hiệp	1	
205	53		Thôn Phước Toàn	1	

206	54		Thôn Phước Mỹ	1	
207	55		Thôn Phước An	1	
208	56		Thôn Phước Luông	1	
209	57		Thôn Phước Xã	1	
210	58		Thôn Phước Tây	1	
211	59		Thôn Phước Chánh	1	
212	60		Thôn Phước Điền	1	
213	61		Thôn Văn Hà	1	
214	62		Thôn Châu Me	1	
215	63	Xã Đức phong	Thôn Thạch Thang	1	
216	64		Thôn Lâm Hạ	1	
217	65		Thôn Lâm Thượng	1	
	IV	Huyện Sơn Tịnh		58	
218	1		An Kim	1	
219	2		Phước Thọ	1	
220	3	Xã Tịnh Giang	An Hòa	1	
221	4		Đông Hòa	1	
222	5		Cù Và	1	
223	6		Đồng Nhơn Bắc	1	
224	7		An Bình	1	
225	8		Hương Nhượng Nam	1	
226	9	Xã Tịnh Đông	Tân An	1	
227	10		Tân Phước	1	
228	11		Hương Nhượng Bắc	1	
229	12		Đồng Nhơn Nam	1	
230	13		Minh Thành	1	
231	14		Minh Khánh	1	
232	15	Xã Tịnh Minh	Minh Trung	1	
233	16		Minh Long	1	
234	17		Minh Xuân	1	
235	18	Xã Tịnh Bắc	Minh Lộc	1	
236	19		Minh Mỹ	1	
237	20		Mỹ Danh	1	
238	21		Vĩnh Tuy	1	
239	22	Xã Tịnh Hiệp	Đức Sơn	1	
240	23		Xuân Mỹ	1	
241	24		Xuân Hòa	1	
242	25		Trà Bình	1	
243	26		Khánh Mỹ	1	
244	27	Xã Tịnh Trà	Phú Thành	1	
245	28		Thạch Nội	1	
246	29		Bình Nam	1	
247	30	Xã Tịnh Bình	Bình Bắc	1	
248	31		Bình Đông	1	

249	32	Xã Tịnh Sơn	Diên Niên	1	
250	33		Thôn Đông	1	
251	34		Bình Thọ	1	
252	35		An Thọ	1	
253	36		Thôn Tây	1	
254	37	Xã Tịnh Hà	Thọ Lộc Đông	1	
255	38		Lâm Lộc Nam	1	
256	39		Thọ Lộc Bắc	1	
257	40		Lâm Lộc Bắc	1	
258	41		Hà Tây	1	
259	42		Hà Nhai Nam	1	
260	43		Hà Nhai Bắc	1	
261	44		Trường Xuân	1	
262	45		Thọ Lộc Tây	1	
263	46		KDC chợ mới	1	
264	47		Ngân Giang	1	
265	48	Xã Tịnh Thọ	Thọ Tây	1	
266	49		Thọ Bắc	1	
267	50		Thọ Trung	1	
268	51		Thọ Nam	1	
269	52		Thọ Đông	1	
270	53	Xã Tịnh Phong	Phong Niên Hạ	1	
271	54		Phong Niên Thượng	1	
272	55		Thế Long	1	
273	56		Phú Lộc	1	
274	57		Trường Thọ	1	
275	58		Thế Lợi	1	
	V	Thành phố Quảng Ngãi		68	
276	1	Xã Nghĩa Dũng	Thôn 1	1	
277	2		Thôn 2	1	
278	3		Thôn 3	1	
279	4		Thôn 4	1	
280	5		Thôn 5	1	
281	6		Thôn 6	1	
282	7	Xã Nghĩa Đồng	Thôn 1	1	
283	8		Thôn 2	1	
284	9		Thôn 3	1	
285	10		Thôn 4	1	
286	11	Xã Tịnh Ấn Tây	Thôn Thống Nhất	1	
287	12		Thôn Cộng Hòa I	1	
288	13		Thôn Cộng Hòa II	1	
289	14		Thôn Độc Lập	1	
290	15	Xã Tịnh Ấn Đông	Thôn Hòa Bình	1	
291	16		Thôn Hạnh Phúc	1	
292	17		Thôn Đoàn Kết	1	

293	18		Thôn Bình Đăng	1	
294	19		Thôn Độc Lập	1	
295	20		Thôn Tự Do	1	
296	21	Xã Tịnh An	Thôn Ngọc Thạch	1	
297	22		Thôn An Phú	1	
298	23		Thôn Long Bàn	1	
299	24		Thôn Tân Mỹ	1	
300	25	Xã Tịnh Châu	Thôn Phú Bình	1	
301	26		Thôn Kim Lộc	1	
302	27		Thôn Mỹ Lệ	1	
303	28	Xã Tịnh Thiện	Thôn Phú Vinh	1	
304	29		Thôn Hòa Bân II	1	
305	30		Thôn Long Thành I	1	
306	31		Thôn Khánh Lâm	1	
307	32	Xã Tịnh Long	Thôn Gia Hòa	1	
308	33		Thôn Tăng Long	1	
309	34		Thôn An Lộc	1	
310	35		Thôn An Đạo	1	
311	36	Xã Tịnh Khê	Thôn Trường Định	1	
312	37		Thôn Mỹ Lai	1	
313	38		Thôn Tư Cung	1	
314	39		Thôn Cổ Lũy	1	
315	40	Xã Tịnh Kỳ	Thôn Kỳ Xuyên	1	
316	41		Thôn An Kỳ	1	
317	42		Thôn An Vĩnh	1	
318	43	Xã Tịnh Hòa	Thôn Xuân An,	1	
319	44		Thôn Hòa Thuận	1	
320	45		Thôn Trung Vĩnh	1	
321	46		Thôn Quang Mỹ	1	
322	47		Thôn Diêm Điền	1	
323	48	Xã Nghĩa An	Thôn Tân Thạnh	1	
324	49		Thôn Tân Mỹ	1	
325	50		Thôn Tân An	1	
326	51		Thôn Phổ Trung	1	
327	52		Thôn Phổ An	1	
328	53	Xã Nghĩa Phú	Thôn Tân An	1	
329	54		thôn cổ lũy nam	1	
330	55		thôn cổ lũy bắc	1	
331	56		thôn cổ lũy làng cá	1	
332	57		thôn Thanh An	1	
333	58	Xã Nghĩa Hà	Thôn Kim Thạch	1	
334	59		Thôn Xuân An	1	
335	60		Thôn Bình Tây	1	
336	61		Thôn Hồ Tiểu	1	
337	62		Thôn Sung Túc	1	

338	63		Thôn Hàm Long	1	
339	64		Thôn Bình Đông	1	
340	65		Thôn Hiền Lương	1	
341	66		Thôn Hội An	1	
342	67		Thôn Khánh Lạc	1	
343	68		Thôn Thanh Khiết	1	
	VI	Huyện Tư Nghĩa		72	
344	1	Xã Nghĩa Sơn	Thôn 1	1	
345	2		Thôn 2	1	
346	3		Thôn 1	1	
347	4		Thôn 2	1	
348	5	Xã Nghĩa Lâm	Thôn 3	1	
349	6		Thôn 4	1	
350	7		Thôn 6	1	
351	8		Thôn 7	1	
352	9		An Hòa Nam	1	
353	10		An Hòa Bắc	1	
354	11		An Tráng	1	
355	12		An Nhơn	1	
356	13	Xã Nghĩa Thắng	An Lạc	1	
357	14		An Cư	1	
358	15		An Tây	1	
359	16		An Tân	1	
360	17		Thôn 2	1	
361	18		Thôn 1	1	
362	19		Nam Phước	1	
363	20		Phú Thuận	1	
364	21	Xã Nghĩa Thuận	Mỹ Thạnh Đông	1	
365	22		Mỹ Thạnh Nam	1	
366	23		Mỹ Thạnh Bắc	1	
367	24		Xuân Phổ Đông	1	
368	25		Xuân Phổ Tây	1	
369	26		An Hội Bắc 1	1	
370	27		An Hội Bắc 2	1	
371	28	Xã Nghĩa Kỳ	An Hội Bắc 3	1	
372	29		An Hội Nam 1	1	
373	30		An Hội Nam 2	1	
374	31		An Bình	1	
375	32		Phú Sơn	1	
376	33		Thôn Điền Hòa	1	
377	34	Xã Nghĩa Điền	Thôn Điền Chánh	1	
378	35		Thôn Điền An	1	
379	36		Thôn Điền Long	1	
380	37	Xã Nghĩa Trung	Phú Văn	1	
381	38		Điền Trang	1	

382	39		La Châu	1	
383	40		An Hà 1	1	
384	41		An Hà 3	1	
385	42		Tân Hội	1	
386	43	Xã Nghĩa Thương	Thôn La Hà 2	1	
387	44		Thôn La Hà 1	1	
388	45		Thôn Vạn An 1	1	
389	46		Thôn La Hà 4	1	
390	47		Thôn Vạn An 3	1	
391	48		Thôn Vạn An 2	1	
392	49		Thôn Điện An 1	1	
393	50		Thôn Điện An 2	1	
394	51		Thôn Điện An 3	1	
395	52		Thôn Điện An 4	1	
396	53		Thôn La Hà 3	1	
397	54	Xã Nghĩa Phương	An Đại 1	1	
398	55		An Đại 2	1	
399	56		An Đại 3	1	
400	57		Năng Tây 1	1	
401	58		Năng Tây 2	1	
402	59	Xã Nghĩa Hiệp	Năng Tây 3	1	
403	60		Năng Xã	1	
404	61		Năng Đông	1	
405	62		Hải Môn	1	
406	63		Đông Mỹ	1	
407	64		Đồng Viên	1	
408	65	Xã Nghĩa Mỹ	Thế Bình	1	
409	66		Mỹ Hòa	1	
410	67		Phú Mỹ	1	
411	68	Xã Nghĩa Hòa	Bách Mỹ	1	
412	69		Thôn Hòa Tân	1	
413	70		Thôn Hòa Bình	1	
414	71		Thôn Hòa Phú	1	
415	72		Thôn Thu Xà	1	
	VII	Huyện Nghĩa Hành		68	
416	1	Xã Hành Tín Tây	Trũng Kè 1	1	
417	2		Phú Khương	1	
418	3		Phú Thọ	1	
419	4		Đồng Miếu	1	
420	5		Long Bình	1	
421	6		Tân Phú	1	
422	7		Trũng Kè 2	1	
423	8		Tân Hòa	1	
424	9	Xã Hành Tín Đông	Xuân Hòa	1	
425	10		Đồng Giữa	1	

426	11		Nhơn Lộc 02	1	
427	12		Nhơn Lộc 01	1	
428	13		Khánh Giang	1	
429	14		Trường lệ	1	
430	15	Xã Hành Thiện	Vạn Xuân 1	1	
431	16		Vạn Xuân 2	1	
432	17		Bàn Thới	1	
433	18		Ngọc Sơn	1	
434	19		Phú Lâm Tây	1	
435	20		Phú Lâm Đông	1	
436	21	Xã Hành Thịnh	Châu Me	1	
437	22		Xuân Ba	1	
438	23		An Ba	1	
439	24		Đồng Xuân	1	
440	25		Mỹ Hưng	1	
441	26		Ba Bình	1	
442	27		Xuân Đình	1	
443	28		Thuận Hòa	1	
444	29	Xã Hành Phước	An Chi Tây	1	
445	30		An Chi Đông	1	
446	31		Đề An	1	
447	32		Hòa Mỹ	1	
448	33		Hòa Sơn	1	
449	34		Hòa Vinh	1	
450	35		Hòa Thọ	1	
451	36		Thuận Hòa	1	
452	37	Xã Hành Trung	HP Bắc	1	
453	38		HP Trung	1	
454	39		HP Nam	1	
455	40		HP Tây	1	
456	41	Xã Hành Đức	Xuân Vinh	1	
457	42		Phú Châu	1	
458	43		Kỳ Thọ Nam 1	1	
459	44		Kỳ Thọ Bắc	1	
460	45		Kỳ Thọ Nam2	1	
461	46	Xã Hành Minh	Long Bảng Bắc	1	
462	47		Tĩnh Phú Nam	1	
463	48		Long Bảng Nam	1	
464	49		Tĩnh Phú Bắc	1	
465	50	Xã Hành Nhân	Đồng Vinh	1	
466	51		Kim Thành Thượng	1	
467	52		Bình Thành	1	
468	53		Nghĩa Lâm	1	
469	54		Phước Lâm	1	
470	55		Đông Trúc Lâm	1	

471	56		Tân Lập	1	
472	57	Xã Hành Dũng	Trung Mỹ	1	
473	58		Kim Thành	1	
474	59		An Hòa	1	
475	60		An Sơn	1	
476	61		An Phước	1	
477	62		An Tân	1	
478	63		An Định	1	
479	64	Xã Hành Thuận	Phúc Minh	1	
480	65		Đại An Đông 1	1	
481	66		Đại An Đông 2	1	
482	67		Đại Xuân	1	
483	68		An Phú	1	
	VIII	Huyện Ba Tơ		85	
484	1	Xã Ba Thành	Thôn Làng Teng	1	
485	2		Thôn Trường An	1	
486	3		Thôn Huy Ba 2	1	
487	4		Thôn Huy Ba 1	1	
488	5	Xã Ba Lế	Thôn Vả Lế	1	
489	6		Thôn Đồng Lâu	1	
490	7		Thôn Gòi Lế	1	
491	8		Thôn Làng Tốt	1	
492	9	Xã Ba Xa	Thôn Nước Như	1	
493	10		Thôn Màng Krá	1	
494	11		Thôn Ba Ha	1	
495	12		Thôn Màng Mu	1	
496	13		Thôn Nước Chạch	1	
497	14		Thôn Gòi Re	1	
498	15		Thôn Nước Lãng	1	
499	16	Xã Ba Động	Thôn Suối Loa	1	
500	17		Thôn Trường An	1	
501	18		Thôn Tân Long	1	
502	19		Thôn Hóc Kè	1	
503	20	Xã Ba Cung	Thôn Gò Rét-Ma Nghít	1	
504	21		Thôn Gò Loa-Đồng Xoài	1	
505	22		Thôn Đồng Dâu-Kon Cua	1	
506	23		Thôn Làng Giấy-Dốc Mốc	1	
507	24	Xã Ba Bích	Thôn Đồng Tiên	1	
508	25		Thôn Nước Đang	1	
509	26		Thôn Con Rá	1	
510	27		Thôn Làng Mâm	1	
511	28		Thôn Đồng Vào	1	

512	29	Xã Ba Khâm	Thôn Vây Ốc	1	
513	30		Thôn Đồng Răm	1	
514	31		Thôn Nước Giáp	1	
515	32	Xã Ba Liên	Thôn Hương Chiên	1	
516	33		Thôn Đá Chát	1	
517	34	Xã Ba Ngạc	Thôn Krên	1	
518	35		Thôn Nước Lầy	1	
519	36		Thôn Ba Lãng	1	
520	37		Thôn Tà Noát	1	
521	38	Xã Ba Điền	Thôn Làng Rêu	1	
522	39		Thôn Làng Tương	1	
523	40		Thôn Hy Long	1	
524	41		Thôn Gò Nghênh	1	
525	42	Xã Ba Tiêu	Thôn Krây	1	
526	43		Thôn Mang Biều	1	
527	44		Thôn Làng Trui	1	
528	45		Thôn Nước Tia	1	
529	46	Xã Ba Vi	Thôn Giá Vực	1	
530	47		Thôn Gò Vành	1	
531	48		Thôn Gò Năng	1	
532	49		Thôn Nước Ui	1	
533	50		Thôn Nước Xuyên	1	
534	51		Thôn Mang Đen	1	
535	52	Xã Ba Trang	Thôn Kon Dốc	1	
536	53		Thôn Kon Riêng	1	
537	54		Thôn Nước Đang	1	
538	55		Thôn Bùi Hui	1	
539	56		Thôn Cây Muối	1	
540	57	Xã Ba Tô	Thôn Mang Lùng I	1	
541	58		Thôn Mang Lùng II	1	
542	59		Thôn Trà Nô	1	
543	60		Thôn Làng Mạ	1	
544	61		Thôn Làng Xi I	1	
545	62		Thôn Làng Xi II	1	
546	63		Thôn Mô Lang	1	
547	64	Xã Ba Giang	Thôn Nước Lô	1	
548	65		Thôn Ba Nhà	1	
549	66		Thôn Gò Khôn	1	
550	67	Xã Ba Dinh	Thôn Làng Măng	1	
551	68		Thôn Kà La	1	
552	69		Thôn Khách Lang	1	
553	70		Thôn Đồng Dinh	1	
554	71		Thôn Nước Lang	1	
555	72		Thôn Gò Lê	1	
556	73		Thôn Gò Ghêm	1	

557	74	Xã Ba Vinh	Thôn Nước Nè	1	
558	75		Thôn Ba Sơn	1	
559	76		Thôn Nước Y	1	
560	77		Thôn Nước Lang	1	
561	78		Thôn Hóc Đô	1	
562	79		Thôn Phân Vinh	1	
563	80		Thôn Cao Muôn	1	
564	81		Thôn Nước Lui	1	
565	82		Thôn Làng Huy	1	
566	83	Xã Ba Nam	Thôn Xà Râu	1	
567	84		Thôn Làng Dút	1	
568	85		Thôn Làng Vờ	1	
	IX	Huyện Minh Long		41	
569	1	Xã Thanh An	Thôn Đồng Vang	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
570	2		Thôn Gò Nhiều	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
571	3		Thôn An Phương	1	
572	4		Thôn An Thanh	1	
573	5		Thôn Thượng Đổ	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
574	6	Xã Long Mai	Thôn Đồng Cẩn	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
575	7		Thôn Mai Lãnh Hạ	1	
576	8		Thôn Mai Lãnh Hữu	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
577	9		Thôn Dư Hữu	1	
578	10		Thôn Trung Thượng	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
579	11		Thôn Long Thượng	1	
580	12		Thôn Minh Xuân	1	
581	13		Thôn Kỳ Hát	1	
582	14	Xã Long Hiệp	Thôn 1	1	
583	15		Thôn Hà Liệt	1	
584	16		Thôn Hà Bôi	1	
585	17		Thôn Hà Xuyên	1	
586	18		Thôn Ba	1	
587	19		Thôn Hai	1	
588	20	Xã Long Sơn	Thôn Biều Qua	1	
589	21		Thôn Sơn Châu	1	
590	22		Thôn Đồng Tròn	1	
591	23		Thôn Lạc Sơn	1	
592	24		Thôn Diên Sơn	1	
593	25		Thôn Gò Chè	1	
594	26		Thôn yên Ngựa	1	

595	27		Thôn Gò Tranh	1	
596	28	Xã Long Môn	Thôn Làng ren	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
597	29		Thôn Cà Xen	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
598	30		Thôn Làng Trê	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
599	31		Thôn Làng Giữa	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
	X	Huyện Sơn Tây		42	
600	1	Xã Sơn Tân	Ra Nhua	1	
601	2		Tà Đô	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
602	3		Bãi Màu	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
603	4		Đắc Be	1	
604	5	Xã Sơn Tinh	Nước Kia	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
605	6		Xà Ruông	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
606	7		Bà He	1	
607	8		Ra Tân	1	
608	9		Ka Năng	1	
609	10	Xã Sơn Bua	Thôn Nước Tang	1	
610	11		Thôn Mang He	1	
611	12		Thôn Mang Tà Bể	1	
612	13	Xã Sơn Mầu	Thôn Hà Lén	1	
613	14		Thôn Tà Vinh	1	
614	15		Thôn Đắc Pao	1	
615	16		Thôn Đắc Panh	1	
616	17	Xã Sơn Dung	Thôn Huy Măng	1	
617	18		Thôn Gò Lã	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
618	19		Thôn Tan Vía	1	
619	20		Thôn Đắc Trên	1	
620	21		Thôn Đắc lang	1	
621	22	Xã Sơn Lập	Thôn Mang Trầy	1	
622	23		Thôn Mang Rễ	1	
623	24		Thôn Tà Ngâm	1	
624	25	Xã Sơn Liên	Tang Tong	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
625	26		Thôn Nước Vương	1	
626	27		Thôn Đắc Doa	1	
627	28	Xã Sơn Long	Thôn Mang Hin	1	
628	29		Thôn Tà Vay	1	

629	30		Thôn Ra Pân	1	
630	31		Thôn Ra Manh	1	
631	32	Xã Sơn Mùa	Thôn Huy Em	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
632	33		Thôn Nước Mìn	1	
633	34		Thôn Ra Long	1	
634	35		Thôn Tu La	1	
	XI	Huyện Sơn Hà		81	
635	1	Xã Sơn Cao	Thôn Xà Ấy	1	
636	2		Thôn Làng Gung	1	
637	3		Thôn Làng Mon	1	
638	4		Thôn Đồng Xạ	1	
639	5		Thôn Làng Trắng	1	
640	6		Thôn Làng Trá	1	
641	7	Xã Sơn Bao	Thôn Nước Bao	1	
642	8		Thôn Mang Nà	1	
643	9		Thôn Nước Rinh	1	
644	10		Thôn Nước Tang	1	
645	11		Thôn Tà Lương	1	
646	12		Thôn Làng Mùng	1	
647	13	Xã Sơn Hải	Thôn Tà Pía	1	
648	14		Thôn Gò Sim	1	
649	15		Thôn Làng Trắng	1	
650	16		Thôn Tà Mát	1	
651	17	Xã Sơn Hạ	Thôn Làng Lành	1	
652	18		Thôn Hà Bắc	1	
653	19		Thôn Đèo Ron	1	
654	20		Thôn Trường Khay	1	
655	21		Thôn Kà Tu	1	
656	22		Thôn Đèo Gió	1	
657	23		Thôn Đồng Reng	1	
658	24	Xã Sơn Thượng	Thôn Trường Ka	1	
659	25		Thôn Nước Tăm	1	
660	26		Thôn Gò Răng	1	
661	27		Thôn Làng Vố	1	
662	28		Thôn Tà Pa	1	
663	29	Xã Sơn Kỳ	Thôn Bờ Reo	1	
664	30		Thôn Làng Riêng	1	
665	31		Thôn Làng Rút	1	
666	32		Thôn Làng Rê	1	
667	33		Thôn Tà Gầm	1	
668	34		Thôn Làng Trắng	1	
669	35		Thôn Bờ Nung	1	
670	36		Thôn Nước Lác	1	
671	37		Thôn Tà Bắc	1	

672	38		Thôn Mô Níc	1	
673	39	Xã Sơn Ba	Thôn Làng Già	1	
674	40		Thôn Mô O	1	
675	41		Thôn Làng Ranh	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
676	42		Thôn Làng Bung	1	
677	43		Thôn Kà Khu	1	
678	44		Thôn Di Hoảng	1	
679	45		Thôn Gò Da	1	
680	46	Xã Sơn Nham	Thôn Canh Mo	1	
681	47		Thôn Bàu Sơn	1	
682	48		Thôn Cạn Sơn	1	
683	49		Thôn Chàm Rao	1	
684	50		Thôn Xà Nay	1	
685	51		Thôn Xà Riêng	1	
686	52	Xã Sơn Thành	Thôn Hà Thành	1	
687	53		Thôn Gò Chu	1	
688	54		Thôn Gò Ra	1	
689	55		Thôn Gò Gạo	1	
690	56		Thôn Làng Vệt	1	
691	57		Thôn Gò Rinh	1	
692	58	Xã Sơn Thủy	Thôn Tà Bi	1	
693	59		Thôn Tà Bần	1	
694	60		Thôn Tà Cơm	1	
695	61		Thôn Làng Rào	1	
696	62		Thôn Giá Gối	1	
697	63	Xã Sơn Linh	Thôn Gò Da	1	
698	64		Thôn Làng Ghè	1	
699	65		Thôn Bò Nung	1	
700	66		Thôn Đồng A	1	
701	67		Thôn Kà La	1	
702	68		Thôn Làng Xinh	1	
703	69	Xã Sơn Giang	Thôn Tà Đình	1	
704	70		Thôn Làng Rê	1	
705	71		Thôn Đồng Giang	1	
706	72		Thôn Gò Đồn	1	
707	73		Thôn Làng Rí	1	
708	74		Thôn Làng Lùng	1	
709	75	Xã Sơn Trung	Thôn Gia Ry	1	
710	76		Thôn Làng Đèo	1	
711	77		Thôn Làng Nà	1	
712	78		Thôn Làng Rín	1	
713	79		Thôn Gò Rộc	1	
714	80		Thôn Tà Mầu	1	
	XII	Huyện Trà Bồng		121	

715	1	Xã Trà Phú	Thôn Phú Hòa	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
716	2		Thôn Phú Long	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
717	3		Thôn Phú An	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
718	4		Thôn Phú Tài	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
719	5	Xã Trà Bình	Thôn Bình Thanh	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
720	6		Thôn Bình Trung	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
721	7		Thôn Bình Tân	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
722	8		Thôn Bình Đông	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
723	9	Xã Trà Giang	Thôn 1	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
724	10		Thôn 2	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
725	11		Thôn 3	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
726	12	Xã Trà Tân	Thôn Trà Ót	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
727	13		Thôn Trà Ngon	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
728	14		Thôn Trường Biện	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
729	15		Thôn Trường Giang	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
730	16	Xã Trà Bùi	Thôn Niên	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
731	17		Thôn Tây	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
732	18		Thôn Tang	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
733	19		Thôn Nước Nĩa	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
734	20		Thôn Quế	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
735	21	Xã Trà Sơn	Thôn Kà Tinh	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
736	22		Thôn Trung	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng

737	23		Thôn Bắc	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
738	24		Thôn Bắc 2	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
739	25		Thôn Đông	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
740	26		Thôn Sơn Thành	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
741	27		Thôn Sơn Bàn	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
742	28		Thôn Tây	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
743	29	Xã Trà Thủy	Thôn 1	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
744	30		Thôn 2	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
745	31		Thôn 3	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
746	32		Thôn 4	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
747	33		Thôn 5	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
748	34		Thôn 6	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
749	35	Xã Trà Hiệp	Thôn Nguyên	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
750	36		Thôn Cưa	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
751	37		Thôn Cả	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
752	38		Thôn Bàng	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
753	39	Xã Trà Lâm	Thôn Trà Lac	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
754	40		Thôn Trà Xanh	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
755	41		Thôn Trà Khương	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
756	42		Thôn Trà Hoa	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
757	43	Xã Trà Phong	Thôn Trà Nga	1	
758	44		Thôn Trà Niu	1	
759	45		Thôn Gò Rô	1	
760	46		Thôn Trà Bung	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng

761	47		Thôn Hà Riêng	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
762	48	Xã Trà Tây	Thôn Xanh	1	
763	49		Thôn Đam	1	
764	50		Thôn Vàng	1	
765	51		Thôn Bắc Dương	1	
766	52		Thôn Tây	1	
767	53		Thôn Bắc Nguyên	1	
768	54		Thôn Tre	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
769	55	Xã Trà Thanh	Thôn Vuông	1	
770	56		Thôn Môn	1	
771	57		Thôn Gõ	1	
772	58		Thôn Cát	1	
773	59	Xã Trà Xinh	Thôn Trà Kem	1	
774	60		Thôn Trà Veo	1	
775	61		Thôn Trà Ôi	1	
776	62	Xã Hương Trà	Thôn Trà Liên	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
777	63		Thôn Trà Linh	1	
778	64		Thôn Trà Lương	1	
779	65		Thôn Trà Huỳnh	1	
780	66		Thôn Trà vân	1	
781	67		Thôn Cà Đam	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
782	68	Xã Sơn Trà	Thôn Hà	1	
783	69		Thôn Đông	1	
784	70		Thôn Sơn	1	
785	71		Thôn Trà Ong	2	Khu vực miền núi, địa bàn rộng
786	72		Thôn Trà Bao	1	
787	73		Thôn Trà Xuông	1	
	XIII	Huyện Lý Sơn		6	
788	1		Thôn tây An Hải	1	
789	2		Thôn đông An Hải	1	
790	3		Thôn đông An Vĩnh	1	
791	4		Thôn tây An Vĩnh	1	
792	5		Thôn bắc An Bình	1	
793	6		Thôn Đồng hộ An Hải	1	